

Số: /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ khoản 4 Điều 54 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 308/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 10 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 54 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản về trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.
- Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Việc gửi hồ sơ, tiếp nhận, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với hoạt động thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng

sản được thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều này.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, tổ chức được lựa chọn thực hiện đề án thăm dò khoáng sản đối với khoáng sản theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Địa chất và khoáng sản có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thông qua một trong các hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

### 3. Kiểm tra, thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với khoáng sản nhóm II, 15 ngày đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; 10 ngày đối với khoáng sản nhóm III; kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần), thẩm định hồ sơ.

4. Lấy ý kiến tham gia thành viên Hội đồng hoặc họp Hội đồng Tư vấn kỹ thuật.

a) Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với khoáng sản nhóm II; 25 ngày đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; 20 ngày đối với khoáng sản nhóm III, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng, chuyên gia có chuyên môn về thăm dò khoáng sản (nếu cần) về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp Hội đồng Tư vấn kỹ thuật trong các trường hợp cần thiết quy định tại điểm b khoản này để thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

b) Trường hợp cần thiết phải tổ chức họp Hội đồng Tư vấn kỹ thuật gồm: Đối với các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II; khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; các trường hợp cụ thể khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Kết thúc phiên họp của Hội đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng, kèm theo biên bản họp Hội đồng đến tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

5. Tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

Trong thời hạn không quá 20 ngày đối với khoáng sản nhóm II; 10 ngày đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; 05 ngày đối với khoáng sản nhóm III, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp ý kiến của các cơ quan, địa phương có liên quan hoặc ý kiến của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia kết luận phiên họp Hội đồng và thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, cơ quan giúp việc thẩm định hồ sơ thông báo

bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Hồ sơ bổ sung nộp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

**6. Trình, ký quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản**

Trong thời hạn không quá 07 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định ký quyết định công nhận. Trường hợp không công nhận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

**7. Trả kết quả công nhận kết quả thăm dò khoáng sản**

Trong hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày            tháng            năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và MT;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KT<sub>(Nho)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Huy Tuấn**